

Võ Duy Dương (...-Bính Dần 1866)

Võ Duy Dương (...-Bính Dần 1866)

Anh hùng chống Pháp, tổ tiên gốc ở miền Trung, sau dời và Gia Định.

Ông giỏi nghề võ, có tài sản và thường đem của cải làm việc phúc lợi cho nhân dân, nên được triều đình phong tặng chức Thiên hộ, đời sau gọi ông là Thiên Hộ Dương. Và vì ông có tài nhắc một lúc năm trái linh bằng sắt, nên nhân dân cũng xưng tụng ông là Ngũ Linh Thiên Hộ Dương.

Ông kết nghĩa thâm giao với Trương Định, khi giặc Pháp xâm chiếm Nam Kỳ, ông đứng trong hàng ngũ kháng chiến do Trương Định lãnh đạo.

Năm 1864 chủ soái Trương Định hi sinh, ông về Đồng Tháp Mười lập chiến khu tiếp tục đánh quân cướp nước. Nghĩa quân của ông thắng lợi nhiều trận vang dội ở Mĩ Trà, Cao Lãnh, Cai Lậy.

Về sau tướng Pháp De Lagrandère đưa quân đàn áp ác liệt ở vùng Đồng Tháp, ông rút quân về An Giang, định cùng Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân bổ sung lực lượng rồi sẽ phối hợp kháng chiến.

Theo Đại Nam thực lục chính biên thì ông rời căn cứ Tháp Mười ngồi thuyền định ra miền Trung chiêu tập dân quân để phục thù, chẳng may gặp bão chìm thuyền, mất tích ở cửa biển Thuận Mẫu tỉnh Khánh Hòa trong năm 1866.

Võ Nguyên Giáp (sinh 1911)

Võ Nguyên Giáp (sinh 1911), nhà hoạt động nổi tiếng của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam, nhà chỉ huy và nhà lí luận quân sự xuất sắc của Việt Nam. Quê: xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Sớm hoạt động cách mạng, tham gia lãnh đạo phong trào học sinh Huế (1925), tham gia Tân Việt Cách mạng Đảng. Bị thực dân Pháp bắt (1930), đưa về quê quản thúc. Ra Hà Nội, tham gia hoạt động trong phong trào Mặt trận dân chủ. Tham gia sáng lập báo "Lao động", "Tiếng nói chúng ta"; biên tập báo "Tin tức", "Dân chúng". Chủ tịch Ủy ban Báo chí Bắc Kỳ trong phong trào Đông Dương đại hội. Gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương (1940). Gây dựng cơ sở cách mạng, tổ chức Việt Minh ở Cao Bằng (1941); tổ chức Ban Xung phong Nam tiến (1942). Được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc giao tổ chức Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (12.1944); chỉ huy đội đánh thắng hai trận đầu ở Phai Khắt (25.12.1944) và Nà Ngần (26.12.1944). Ủy viên Ủy ban Quân sự Cách mạng Bắc Kỳ, tư lệnh Việt Nam Giải phóng quân, ủy viên Ban Chỉ huy Lâm

thời khu giải phóng Việt Bắc, tham gia Ủy ban Khởi nghĩa Toàn quốc, ủy viên Ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam (8.1945).

Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, sau đó là ủy viên thường vụ Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1945). Bộ trưởng Bộ Nội vụ, bí thư Đảng Đoàn Chính phủ (8.1945). Chủ tịch Quân sự Ủy viên Hội (4.1946), phó trưởng đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đàm phán với Pháp tại Hội nghị trù bị Đà Lạt (1946). Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng các khóa II - VI; ủy viên Bộ Chính trị các khóa II - IV. Bí thư Tổng Quân ủy, sau này là Quân ủy Trung ương (1946 - 77).

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (1946 - 1947), đại tướng (1948), tổng chỉ huy Quân đội Quốc gia và Dân quân Việt Nam, tổng tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam (đến 1975); ủy viên Hội đồng Quốc phòng (1948). Trong Kháng chiến chống Pháp, trực tiếp chỉ huy các chiến dịch lớn, đặc biệt là Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954). Trong Kháng chiến chống Mỹ, chỉ đạo nhiều chiến dịch lớn, đặc biệt là Chiến dịch Hồ Chí Minh (1975).

Phó thủ tướng kiêm bộ trưởng Bộ Quốc phòng (1955 - 1980). Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (1981 - 1991). Đại biểu Quốc hội các khóa I - VII.

Tác phẩm: "Vấn đề dân cày" (đồng tác giả), "Khu giải phóng" (1946), "Đội quân giải phóng" (1947), "Chiến tranh giải phóng và quân đội nhân dân, ba giai đoạn chiến lược" (1950), "Điện Biên Phủ" (1964), "Mấy vấn đề đường lối quân sự của Đảng" (1970), "Vũ trang quần chúng cách mạng, xây dựng quân đội nhân dân" (1972), "Chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc" (1979), " Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam" (2000), vv. Huân chương Sao vàng, hai Huân chương Hồ Chí Minh, hai Huân chương Quân công hạng nhất và nhiều huân chương cao quý khác.

Trương Vĩnh Ký (Đinh Dậu 1837-Mậu Tuất 1898)

Trương Vĩnh Ký – Sĩ Tài (Đinh Dậu 1837-Mậu Tuất 1898)

Học giả, tự là Sĩ Tài, trước tên là Chánh Ký, sau đổi là Vĩnh Ký. Ông vốn theo đạo Thiên Chúa, có tên thánh là Jean Baptiste, hay Pétrus Ký. Quê ở thôn Cái Môn, xã Vĩnh Thanh, huyện Tân Minh, tỉnh Vĩnh Long (nay thuộc Bến Tre).

Ông hiếu học có tiếng, ngay từ bé đã thông chữ Hán, Quốc ngữ, được một linh mục đưa đến Cái Nhum học tiếng La Tinh. Ít lâu qua học trường đạo Phinhalu ở Campuchia. Khoảng năm 1851-1858 được cấp học bổng học ở trường đạo Pénang trên Ấn Độ Dương. Ông thông thạo 15 thứ sinh ngữ, tử ngữ phương Tây và 11 thứ ngôn ngữ phương Đông. Ông cũng là Hội viên Hội nhân chủng

và khoa học miền Tây nước Pháp, Hội chuyên học nói tiếng Phương Đông, Hội chuyên khảo văn hóa Á Châu... Vì thế, đương thời giới báo chí liệt ông vào hàng 18 nhà bác học trên thế giới.

Năm 1863, ông cùng Tôn Thọ Tường làm thông ngôn cho phái đoàn Phan Thanh Giản sang Pháp điều đình chuộc ba tỉnh miền Đông. Sau khi về nước, ông làm chủ bút tờ Gia Định báo (1868).

Năm 1886 ông cộng tác với Paul Bert và có lúc dạy tiếng Pháp cho vua Đồng Khánh. Ít lâu ông chán nản rút lui khỏi chính trường (vì cả Pháp lẫn Việt đều nghi kị ông) sống cuộc đời đam bực chuyên tâm nghiên cứu các môn học khoa học nhân văn và ngôn ngữ học.

Năm 1898, ông mất, thọ 61 tuổi, còn để lại cho đời hơn 100 bộ sách có giá trị (vừa bản thảo, vừa sách).

Các tác phẩm chính của ông:

- Chuyện đời xưa lựa nhón lấy những truyện hay và có ích
- Abrégé de grammaire annamite (Tóm lược ngữ pháp An nam)

- Kim Vân Kiều (bản phiên âm ra chữ quốc ngữ đầu tiên)
- Petit cours de géographie de la Basse-Cochichine
- Cours de langue annamite (Bài giảng ngôn ngữ An nam)
- Voyage au Tonkin en 1876 (Đông kinh du ký)
- Guide de la conversation annamite (Hướng dẫn đàm thoại An nam)
- Phép lịch sự An Nam (Les convenances et les civilités annamites)
- Lục súc tranh công
- Cours de la langue mandarine ou des caractères chinois
- Cours d'histoire annamite (Bài giảng lịch sử An nam)
- Dư đồ thuyết lược (Précis de géographie)
- Đại nam tam thập nhất tỉnh thành đồ
- Cours de littérature annamite, 1891 (Bài giảng văn chương An nam)
- Cours de géographie générale de l'Indochine (Bài giảng địa lý tổng quát Đông dương)

– Đại Nam tam thập nhất tỉnh địa đồ

– Grand Dictionnaire Annamite Francaise (Đại tự điển An nam - Pháp)

TaiLieu.vn